

Số: /2023/QĐ-UBND Sơn La, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 228/TTr- STC ngày 22/8/2023; Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 373/BC-STP ngày 17/8/2023; Ý kiến tán thành của các đồng chí thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La.

(có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện**1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản:**

- Căn cứ các nội dung quy định tại Quyết định này, thực hiện tính hao mòn, ghi sổ kế toán, theo dõi và quản lý tài sản theo đúng quy định.

- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài chính) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính

- Chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, nội dung trình UBND tỉnh ban hành danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La.

- Theo dõi, hướng dẫn việc thực hiện Quyết định này; tổng hợp, đề xuất, báo cáo UBND tỉnh xem xét điều chỉnh bổ sung quy định danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình cho phù hợp với quy định của pháp luật. Chủ động tổ chức thanh tra, kiểm tra nếu phát hiện sai phạm, vướng mắc (*nếu có*), kịp thời báo cáo UBND tỉnh để chỉ đạo giải quyết, đồng thời chịu trách nhiệm toàn diện trước các kết luận của cơ quan Thanh tra, Kiểm tra, Kiểm toán và các cơ quan pháp luật Nhà nước.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày / /2023 và thay thế Quyết định số 2653/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 của UBND tỉnh.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục KSTTHC-VPCP;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Như điều 3;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH, Đức Anh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Quốc Khánh

Phụ lục I

Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Sơn La)

STT	Danh mục	Thời gian tính hao mòn (năm)	Tỷ lệ hao mòn (%/năm)
I	Quyền tác giả và quyền liên quan đến tác giả		
1	Tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học	25	4
2	Chương trình máy tính	5	20
3	Dữ liệu sưu tập	25	4
4	Quyền tác giả khác	25	4
II	Quyền sở hữu công nghiệp		
1	Bằng phát minh, sáng chế	20	5
III	Quyền đối với giống cây trồng		
1	Bằng bảo hộ giống cây thân gỗ và cây nho	25	4
2	Bằng bảo hộ giống cây trồng khác	20	5
IV	Phần mềm ứng dụng		
1	Phần mềm kế toán	5	20
2	Phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin	5	20
3	Phần mềm tin học văn phòng	5	20
4	Các phần mềm ứng dụng khác	5	20

Phụ lục II
Danh mục tài sản cố định đặc thù

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2023/QĐ-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Sơn La)*

STT	Danh mục
1	Tài sản cố định không xác định chi phí hình thành hoặc không đánh giá được giá trị thực (<i>cổ vật, hiện vật trưng bày trong bảo tàng, lăng tẩm, tài liệu cổ, tài liệu quý hiếm, ...</i>)
2	Di tích lịch sử được xếp hạng
3	Thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐỀ XUẤT GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC

Kính gửi: Thường trực UBND tỉnh

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 228/TTr-STC ngày 22/8/2023. Phòng Tổng hợp xin đề xuất nội dung như sau:

Căn cứ pháp lý, Nội dung đề xuất của phòng	Ý kiến của Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh
<p>1. Sở Tài chính đề nghị: Ban hành danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La</p> <p>2. Ý kiến của phòng Tổng hợp</p> <p>2.1. Căn cứ pháp lý</p> <p>Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;</p> <p>Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;</p> <p>Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;</p> <p>Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;</p> <p>Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;</p> <p>Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;</p> <p>Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 228/TTr- STC ngày 22/8/2023; Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 373/BC-STP ngày 17/8/2023</p> <p>2.2. Về thể thức văn bản: Dự thảo Quyết định được trình bày theo đúng quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.</p>	<p>Nhất trí <input type="checkbox"/> Không nhất trí <input type="checkbox"/></p> <p>Ký xác nhận:..... Ngày / /2023</p> <p>Phê duyệt của đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh</p> <p>Nhất trí <input type="checkbox"/> Không nhất trí <input type="checkbox"/></p> <p>Ký xác nhận:..... Đặng Ngọc Hậu Ngày / /2023</p>

